TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2023/QĐST -HNGĐ	*Tuy An, ngày 28 tháng 02 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2022/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa;

Nguyên đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1968.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1968.
Đồng cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch An M

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Lê Văn N và chị Trần Thị H

2**. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Có 04 con chung tên là Lê Thị Thu T, sinh năm 1989, Lê Văn Minh C, sinh năm 1989, Lê Thị Thu S, sinh năm 1990 và Lê Văn T1, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành và có công việc làm ổn định, các bên đương sự không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Đến ngày 30/3/2023 anh Lê Văn N, chị Trần Thị có nghĩa vụ trả nợ cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T – Phòng giao dịch A số tiền gốc và lãi là **35.805.206 đồng,** (phần nghĩa vụ mỗi người là ngang nhau).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T – Phòng giao dịch A. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn T thống nhất theo số tiền và thời gian trả nợ nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

-Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn N thỏa thuận tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ- ST và 447.565 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 05649 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh N còn phải nộp 297.565 đồng.

Chị Trần Thị H thỏa thuận chịu 447.565 đồng án phí DSST.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Bình